

HOSE 10/07/2014

VNINDEX 584.88 -6.72 -1.14%

KLGD 152,831,885 CP
GTGD 2,176.40 Tỷ
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 51 CP
CP Giảm giá 179 CP
CP Đứng giá 74 CP



HNX 10/7/2014

HNXINDEX 78.61 -0.53 -0.67%

KLGD 99,873,603 CP
GTGD 1,071.64 Tỷ
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 81 CP
CP Giảm giá 131 CP
CP Đứng giá 167 CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30 628.78 -7.86 -1.23%
HNX30 159.51 -2.25 -1.39%

Tâm điểm

- ▶ **Lực cầu gia tăng khi chỉ số 2 sàn giảm điểm mạnh**
- ▶ **Thanh khoản gia tăng phiên hôm nay đặc biệt lúc thị trường mất điểm mạnh**
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 3,100 tỷ đồng
- ▶ **6 tháng đầu năm 2014, GDP của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long 8.5% – 9%**
Kết quả này tương đương với cùng kỳ năm 2013
Sài Gòn Giải Phóng
- ▶ **Tiêu thụ thép giảm lại**
Lượng thép tiêu thụ trong tháng 6/2014 đã giảm gần 10.5% so với tháng trước.
Tuổi Trẻ
- ▶ **Fed sẽ dừng gói QE3 vào tháng 10**
Cục Dự trữ Liên bang Mỹ lên kế hoạch chi tiết để giảm bớt kích thích cho kinh tế Mỹ
DVO/Reuters
- ▶ **VHC: Được hưởng thuế chống bán phá giá cá tra 0 USD**
Năm 2013, Mỹ là quốc gia nhập khẩu cá tra lớn nhất của VHC, chiếm tỷ trọng 51%
DVO
- ▶ **SDP: Đầu tư dự án 157 ha tại khu kinh tế Nghi Sơn trị giá 630 tỷ đồng**
Tỷ lệ góp vốn liên doanh của SDP là 50% tổng mức đầu tư, tương đương 315 tỷ đồng
Đầu tư Chứng khoán

Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,046,286	13.9	3.2	20.9%	11.1%
HNX	127,602	17.8	1.6	7.3%	4.0%
Toàn bộ thị trường	1,173,888	15.8	3.1	19.7%	10.4%

Theo ngành

Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	6,971	5.8	0.9	15.7%	10.6%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,463	6.9	1.5	20.8%	15.3%
Thép và sản phẩm thép	38,466	20.8	2.2	18.3%	7.8%
Khai khoáng	12,061	52.6	4.9	2.1%	1.5%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	21,040	18.5	1.4	11.6%	8.2%
Xây dựng	30,192	36.2	1.1	-4.6%	1.4%
Máy công nghiệp	8,369	6.5	1.4	21.3%	14.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,083	13.7	1.4	14.9%	11.3%
Lốp xe	7,744	9.4	2.6	29.1%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	15,896	9.8	1.3	14.4%	6.4%
Thực phẩm	202,283	23.1	4.8	21.7%	16.8%
Dược phẩm	15,819	12.2	3.1	25.7%	16.7%
Phần mềm	17,385	10.7	2.2	22.2%	9.6%
Sản xuất & phân phối điện	22,535	5.7	1.2	-6.5%	3.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	216,748	18.2	5.8	32.9%	22.1%
Bảo hiểm nhân thọ	29,464	23.9	2.4	10.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	26,089	14.1	1.4	8.4%	6.2%
Ngân hàng	245,757	11.1	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản	140,869	12.1	2.6	27.8%	6.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	38,372	10.0	2.0	20.4%	8.3%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

6 tháng đầu năm 2014, GDP của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long 8.5% – 9%

Tiêu thụ thép giảm lại

Fed sẽ dừng gói QE3 vào tháng 10

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

VHC: Được hưởng thuế chống bán phá giá cá tra 0 USD

SDP: Đầu tư dự án 157 ha tại khu kinh tế Nghi Sơn trị giá 630 tỷ đồng

BHS: Sẽ phát hành 60 triệu cổ phần hoán đổi với Đường Ninh Hòa

► Tin kinh tế

Theo báo cáo của Ban chỉ đạo Tây Nam Bộ tại Hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2014, trong 6 tháng đầu năm, tổng sản phẩm trên địa bàn ước đạt trên 237,000 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế ước đạt từ 8.5%-9% (tương đương cùng kỳ năm 2013). Tổng thu ngân sách toàn vùng ước đạt 19,388 tỷ đồng (bằng 50% dự toán năm 2014). Phát biểu tại hội nghị, Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh cho rằng các tỉnh ĐBSCL đã nỗ lực thực hiện toàn diện các chính sách của Đảng, Nhà nước để duy trì phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội.

Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA) cho biết lượng thép tiêu thụ trong tháng 6/2014 chỉ còn 376,000 tấn, giảm gần 10.5% so với tháng trước. Đây là tháng thứ hai lượng tiêu thụ thép giảm liên tiếp sau khi đã có mức tăng ấn tượng trong các tháng 3 và 4/2014 với số lượng trên 550,000 tấn/tháng. Cũng theo VSA, nhập siêu ngành thép sau sáu tháng đầu năm 2014 xấp xỉ trên 2.2 tỉ USD, chủ yếu là nguyên liệu cùng một số chủng loại thép trong nước chưa sản xuất được. Trong khi đó, giá thép bán lẻ trên thị trường đã nhích lên thêm 100,000-150,000 đồng/tấn với lý do giá xăng vừa điều chỉnh tăng, dù nhà sản xuất chưa hề thay đổi giá bán. Hiện giá thép cây và cuộn xây dựng dao động trong khoảng 15.6-15.65 triệu đồng/tấn (tùy khu vực), sức mua thấp.

Theo Biên bản cuộc họp chính sách tháng 6, Fed sẽ kết thúc chương trình mua tài sản vào tháng 10 năm nay và ngân hàng này đang tiến gần đến thỏa thuận chung về kế hoạch quản lý lãi suất trong tương lai. Các quan chức Fed cũng bày tỏ sự tin tưởng hoàn toàn rằng kinh tế Mỹ sẽ tiếp tục tăng trưởng ở tốc độ trung bình, tỷ lệ thất nghiệp và lạm phát sẽ dần đạt tới mục tiêu của ngân hàng trung ương. Tuy nhiên, một số nhà hoạch định chính sách lại tỏ ra khá lo ngại trước thái độ quá tự mãn của giới đầu tư về triển vọng kinh tế. Hơn nữa, biến động thấp của thị trường chứng khoán, tiền tệ và thu nhập cố định khi ngân hàng cắt giảm chương trình mua trái phiếu cũng là một vấn đề đau đầu đối với các quan chức Fed.

► Tin doanh nghiệp

Bộ Thương mại Mỹ vừa công bố quyết định sơ bộ cuộc rà soát thuế chống phá giá lần thứ 10 (POR10), giai đoạn từ 1/8/2012 đến 31/7/2013 đối với mặt hàng cá tra phi lê (fillet) đông lạnh của Việt Nam với mức thuế áp dụng từ 0 đến 2.39 USD/kg. Theo đó, CTCP Vĩnh Hoàn (HOSE: VHC) được hưởng mức thuế 0.00 USD/kg khi xuất khẩu cá vào Mỹ. Tại POR 9 vào tháng 3/2014, Vĩnh Hoàn bị áp thuế 0.03 USD/kg. Trong khi đó, mức thuế áp dụng cho Tập đoàn Hùng Vương (HOSE: HVG) và 23 công ty khác giảm mạnh từ 1.2 USD/kg xuống còn 0.58 USD/kg. CTCP Việt An (HOSE: AVF) là công ty duy nhất bị áp mức thuế rất cao là 2.39 USD/kg do cung cấp thông tin cho Bộ Thương mại Mỹ không đúng thời hạn và thiếu cụ thể.

HDQT CTCP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà (HNX: SDP) vừa thông qua chủ trương đầu tư vào dự án Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp I và khu tập kết vật tư, thiết bị phục vụ các dự án tại Khu kinh tế Nghi Sơn, Thanh Hóa có tổng giá trị 630 tỷ đồng. Đây là dự án mà SDP liên danh với Tổng công ty Đầu tư xây dựng và Thương mại Anh Phát – CTCP với tỷ lệ góp vốn là 50%, tương đương khoảng 315 tỷ đồng. Tổng diện tích 157 ha của dự án được phân thành hai khu đất. Tiến độ thực hiện dự án dự kiến từ quý 3/2014 đến quý 2/2015, thời gian vận hành sẽ vào quý 4/2014. Ngoài ra thời gian hoàn vốn không chiết khấu cho khu số 1 (67 ha) là 9-10 năm, khu số 2 (90 ha) là 4-5 năm.

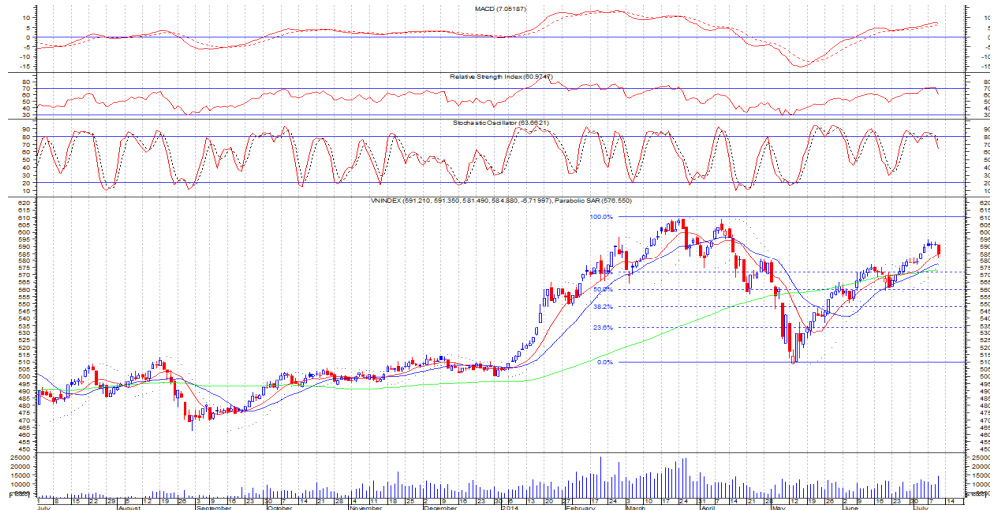
Công ty cổ phần Đường Biên Hòa (HOSE: BHS) vừa công bố nghị quyết HĐQT ngày 9/7/2014. Theo đó, HĐQT công ty đã thông qua việc đăng ký phát hành thêm cổ phiếu để thực hiện hoán đổi toàn bộ cổ phần đang lưu hành của Công ty cổ phần Đường Ninh Hòa (NHS) theo hợp đồng sáp nhập đã được hai bên thông qua trước đó tại ĐHCĐ thường niên. Với tỷ lệ hoán đổi 1:1, BHS dự kiến phát hành thêm 60.3 triệu cổ phiếu, bằng 99.34% tổng số cổ phần đang lưu hành của NHS, không tính phần cổ phiếu NHS mà BHS đang sở hữu. Thời điểm phát hành dự kiến trong thời hạn 90 ngày.

HOSE 10/07/2014 VNINDEX 584.88 -6.72 -1.14% 152,831,885 CP 2,176.40 bil VND

Lực cầu gia tăng khi chỉ số 2 sàn giảm điểm mạnh

VN-Index giảm 6.72 điểm (-1.14%), đóng cửa tại mức 584.86 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến dài, giảm điểm khá mạnh.

- MACD sụt giảm nhưng vẫn chưa cho tín hiệu bán ra.
- Stochastic Oscillator đi ra khỏi vùng quá mua và tiếp tục sụt giảm mạnh.
- MA10 tỏ rõ sự hỗ trợ khá tốt cho thị trường phiên hôm nay.
- RSI (14) sụt giảm xuống mức 60. Động lực tăng của VN-Index đã yếu đi phần nào.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0 (0.0%)	26,678,130
ITA	-0.2 (-2.4%)	6,928,530
HQC	-0.3 (-3.5%)	6,278,450
VHG	-0.6 (-5.3%)	5,774,950
HAG	-0.5 (-2.0%)	5,356,180

HOSE Top 5 theo % tăng

DCT	0.2 (6.9%)	753,530
TDW	1.3 (6.8%)	10
TMS	2.1 (6.6%)	1,850
LGC	1.3 (6.6%)	210
HLG	0.3 (6.4%)	3,120

HOSE Top 5 theo % giảm

SVI	-2.8 (-6.9%)	40
HTL	-1.1 (-6.5%)	90
C21	-1.3 (-6.5%)	2,000
D2D	-1.5 (-6.3%)	9,930
ABT	-3 (-6.1%)	7,430

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

CSM	12,0 tỷ	277,690
HT1	11,9 tỷ	860,670
PPC	9,5 tỷ	451,340
GAS	4,9 tỷ	44,410
DRC	3,5 tỷ	69,220

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HAG	-14,0 tỷ	549,980
DPM	-3,4 tỷ	105,320
EIB	-3,0 tỷ	229,650
VIC	-2,7 tỷ	39,190
DXG	-1,4 tỷ	93,390

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	4,904,990	0.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT giao dịch giằng co khá mạnh đầu phiên sáng. Tuy nhiên, lực bán xuất hiện mạnh ở cuối phiên sáng và lan rộng lên cả sàn đẩy VN-Index giảm điểm khá sâu.
- ▶ KLGD gia tăng mạnh và đạt 148 triệu đơn vị. Đặc biệt KL chỉ tăng mạnh khi VN-Index mất điểm sâu. Việc thanh khoản duy trì cao cho thấy động lực tăng của VN-Index vẫn
- ▶ Khối ngoại bán ròng 40 tỷ trong phiên hôm nay. Thêm một phiên bán ròng nữa của khối này. Nhưng nhiều khả năng vẫn chưa có nhiều lo ngại với đà bán này.
- ▶ MA10 và MA20 sẽ hỗ trợ mạnh cho VN-Index khi chỉ số này điều chỉnh. Chúng tôi cho rằng động lực để VN-Index chinh phục lại mốc đỉnh 600 điểm vẫn còn.
- ▶ NĐT cần nhắc chốt lãi, việc mua mới nên xem xét ưu tiên nhóm CP chưa tăng trưởng mạnh về giá hoặc đã điều chỉnh giai đoạn vừa rồi, tránh mua đuổi giá.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	110.0	208,450.00	18.7	5.9	33.4%	22.6%
VNM	833.4	127.0	105,846.10	16.7	5.7	36.4%	29.1%
VCB	2,665.0	25.7	68,491.02	15.7	1.6	10.4%	1.0%
MSN	734.9	92.5	67,979.30	207.2	4.7	2.2%	0.7%
VIC	894.2	69.5	62,149.71	8.5	4.1	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.6	54,361.71	8.7	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	14.8	41,605.80	9.1	1.3	14.2%	0.8%
BVH	680.5	42.0	28,579.80	23.9	2.4	10.0%	2.3%
HPG	481.9	55.0	26,504.95	11.3	2.6	25.0%	10.7%
PVD	275.3	84.0	23,121.68	10.9	2.3	21.7%	9.8%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

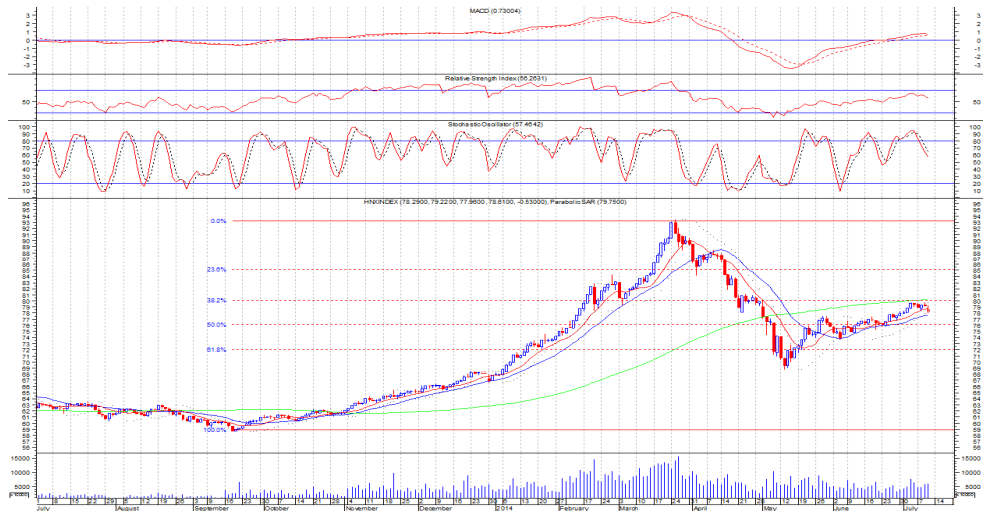
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	13.2	3,377.35	14.3	1.2	NA	TH.DOI
FPT	343.9	48.8	16,782.04	10.6	2.3	NA	TH.DOI
CII	112.9	20.0	2,257.23	16.0	1.4	NA	TH.DOI
BMP	45.5	71.0	3,228.97	8.6	2.1	NA	TH.DOI
NHS	60.8	12.0	729.00	5.4	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	19.4	535.63	2.0	0.9	NA	TH.DOI

HNX 10/07/2014 HNX-Index 78.61 -0.53 -0.67% 99,873,603 CP 1,071.64 bil. VND

Lực cầu gia tăng khi chỉ số 2 sàn giảm điểm mạnh

Chỉ số HNX-Index giảm 0.53 điểm (-0.67%), đóng cửa tại mốc 78.61 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ, thân nến vừa phải, HNX-Index giảm điểm khá mạnh nhưng hồi phục tốt vào cuối phiên.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator đi ra khỏi vùng quá mua và tiếp tục sụt giảm mạnh.
- MACD dừng đà tăng và sụt giảm nhưng vẫn chưa cho tín hiệu bán ra.
- RSI (14) giảm xuống mức 56.
- MA10 và MA20 tỏ rõ sự hỗ trợ khá tốt cho thị trường phiên hôm nay.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	-0.2 (-4.3%)	6,788,780
SCR	-0.3 (-3.2%)	4,918,300
KLF	-0.4 (-3.4%)	4,315,620
SHB	-0.2 (-2.2%)	4,030,700
KLS	-0.3 (-2.4%)	3,680,840

HNX Top 5 theo % tăng

SFN	1.4 (9.9%)	7,000
LM3	0.3 (9.7%)	600
ALT	1.1 (9.4%)	100
LDP	4.7 (9.4%)	1,300
NST	0.9 (9.4%)	2,200

HNX Top 5 theo % giảm

SQC	-7.7 (-10.0%)	100
CJC	-3.6 (-9.8%)	2,800
GMX	-1.2 (-9.6%)	18,200
SDG	-2.4 (-9.2%)	700
MKV	-0.9 (-9.2%)	5,400

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	21,7 tỷ	728,600
DBC	3,3 tỷ	151,100
VCG	2,1 tỷ	150,800
VND	0,3 tỷ	18,000
PGS	0,2 tỷ	6,200

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVC	-1,7 tỷ	79,500
PVI	-1,1 tỷ	62,700
IVS	-0,4 tỷ	53,000
BVS	-0,4 tỷ	28,400
HNM	-0,4 tỷ	40,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1,307,300	0.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT giao dịch giằng co khá mạnh đầu phiên sáng. Tuy nhiên, lực bán xuất hiện mạnh ở cuối phiên sáng và lan rộng lên cả sàn đẩy HNX-Index giảm điểm khá sâu.
- ▶ KLGD ở mức tương đương với phiên hôm qua và đạt 59 triệu đơn vị. Thanh khoản ở mức khá tốt, nó cho thấy động lực tăng của HNX-Index vẫn còn.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 24 tỷ trong phiên hôm nay. Việc khối ngoại liên tục duy trì đà mua ròng sẽ hỗ trợ khá tốt cho thị trường trong bối cảnh hiện nay.
- ▶ MA10 và MA20 sẽ hỗ trợ mạnh cho HNX-Index khi chỉ số này điều chỉnh. Chúng tôi cho rằng động lực để HNX-Index chinh phục lại mốc đỉnh 80 điểm vẫn còn.
- ▶ NĐT cần nhắc chốt lãi, việc mua mới nên xem xét ưu tiên nhóm CP chưa tăng trưởng mạnh về giá hoặc đã điều chỉnh giai đoạn vừa rồi, tránh mua đuổi giá.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.4	14,010.62	18.5	1.1	6.1%	0.5%
PVS	446.7	29.9	13,356.34	8.8	1.6	19.3%	6.2%
SHB	886.1	9.1	8,063.36	10.2	0.8	7.9%	0.7%
SQC	110.0	69.4	7,634.00	261.6	6.4	-2.4%	-2.0%
VCG	441.7	14.1	6,228.12	14.1	1.1	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.3	5,060.00	35.9	2.4	6.3%	3.1%
PVI	225.4	18.5	4,170.16	14.8	0.7	4.6%	2.1%
NTP	56.3	53.9	3,036.69	10.4	2.4	23.8%	16.0%
LAS	77.8	35.5	2,763.04	6.1	1.9	33.5%	17.5%
VNR	131.1	21.0	2,752.60	7.2	1.0	14.5%	7.0%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	30.8	1,170.40	7.7	1.4	NA	TH.DOI
AAA	19.8	19.7	390.06	7.7	0.7	NA	TH.DOI
VND	96.9	16.3	1,580.06	11.6	1.3	NA	TH.DOI
NTP	56.3	53.9	3,036.69	10.4	2.4	NA	TH.DOI
PVC	50.0	20.7	1,035.00	12.1	1.2	NA	TH.DOI
DXP	7.9	39.2	308.70	6.1	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	67,979.30	13.73%	92.5	207.24	4.65	121,841	151,280	152,932
VIC	HOSE	894.2	62,149.71	13.68%	69.5	8.54	4.08	344,156	324,896	399,672
HPG	HOSE	481.9	26,504.95	13.62%	55.0	11.30	2.59	970,997	889,174	682,421
PVD	HOSE	275.3	23,121.68	9.64%	84.0	10.85	2.25	270,005	350,315	343,236
HAG	HOSE	718.2	18,025.68	8.07%	25.1	15.14	1.39	2,765,088	2,491,511	2,835,212
STB	HOSE	1,142.5	23,078.73	7.65%	20.2	10.60	1.40	409,483	2,414,280	1,540,606
VCB	HOSE	2,665.0	68,491.02	6.07%	25.7	15.67	1.57	372,729	583,616	603,583
DPM	HOSE	379.9	12,309.87	5.32%	32.4	6.60	1.43	799,240	944,093	1,239,978
ITA	HOSE	718.0	5,959.45	3.07%	8.3	107.50	0.78	6,491,582	5,811,749	5,830,141
BVH	HOSE	680.5	28,579.80	2.45%	42.0	23.91	2.35	186,544	207,764	352,487
KBC	HOSE	389.8	4,482.24	2.33%	11.5	27.23	0.91	1,585,845	1,346,553	969,546
HSG	HOSE	96.3	4,430.40	2.28%	46.0	11.36	2.01	133,284	127,290	150,344
GMD	HOSE	114.4	3,890.34	1.97%	34.0	130.24	0.89	172,108	190,949	279,567
VSH	HOSE	206.2	3,217.36	1.58%	15.6	15.45	1.24	933,043	577,817	467,861
PPC	HOSE	318.2	6,713.06	1.47%	21.1	7.32	1.18	328,393	284,597	425,118
CSM	HOSE	67.3	2,907.01	1.45%	43.2	7.88	2.25	615,059	483,242	404,131
DRC	HOSE	83.1	4,120.46	1.34%	49.6	11.28	2.95	337,279	256,173	218,546
HVG	HOSE	120.0	2,844.00	1.24%	23.7	14.96	1.24	354,038	591,654	555,740
PVT	HOSE	255.9	3,377.35	1.16%	13.2	14.30	1.20	1,665,893	1,638,922	972,940
DIG	HOSE	143.0	2,302.23	1.06%	16.1	44.04	0.99	188,547	158,429	266,721
OGC	HOSE	300.0	3,390.00	0.82%	11.3	51.21	1.09	1,378,500	1,468,065	1,825,997

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
STB	HOSE	1,142.5	23,078.73	7.67%	20.2	10.60	1.40	409,483	2,414,280	1,540,606
MSN	HOSE	734.9	67,979.30	7.43%	92.5	207.24	4.65	121,841	151,280	152,932
VCB	HOSE	2,665.0	68,491.02	7.31%	25.7	15.67	1.57	372,729	583,616	603,583
VIC	HOSE	894.2	62,149.71	6.29%	69.5	8.54	4.08	344,156	324,896	399,672
DPM	HOSE	379.9	12,309.87	5.63%	32.4	6.60	1.43	799,240	944,093	1,239,978
BVH	HOSE	680.5	28,579.80	5.63%	42.0	23.91	2.35	186,544	207,764	352,487
PVS	HNX	446.7	13,356.34	5.50%	29.9	8.76	1.56	2,500,922	2,258,616	2,064,061
PVD	HOSE	275.3	23,121.68	3.79%	84.0	10.85	2.25	270,005	350,315	343,236
ITA	HOSE	718.0	5,959.45	3.48%	8.3	107.50	0.78	6,491,582	5,811,749	5,830,141
SHB	HNX	886.1	8,063.36	3.36%	9.1	10.20	0.78	8,860,688	6,455,533	6,606,731
HAG	HOSE	718.2	18,025.68	3.27%	25.1	15.14	1.39	2,765,088	2,491,511	2,835,212
VCG	HNX	441.7	6,228.12	3.21%	14.1	14.05	1.13	1,156,834	1,256,168	1,711,817
OGC	HOSE	300.0	3,390.00	2.07%	11.3	51.21	1.09	1,378,500	1,468,065	1,825,997
DRC	HOSE	83.1	4,120.46	1.52%	49.6	11.28	2.95	337,279	256,173	218,546
GMD	HOSE	114.4	3,890.34	1.49%	34.0	130.24	0.89	172,108	190,949	279,567
PPC	HOSE	318.2	6,713.06	1.32%	21.1	7.32	1.18	328,393	284,597	425,118
PVT	HOSE	255.9	3,377.35	1.16%	13.2	14.30	1.20	1,665,893	1,638,922	972,940
PVX	HNX	400.0	1,800.00	0.00%	4.5	- 0.84	2.35	5,582,730	5,508,129	7,550,834

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	62,149.71	0.00%	69.5	8.54	4.08	344,156	324,896	399,672
MSN	HOSE	734.9	67,979.30	0.00%	92.5	207.24	4.65	121,841	151,280	152,932
DPM	HOSE	379.9	12,309.87	0.00%	32.4	6.60	1.43	799,240	944,093	1,239,978
HAG	HOSE	718.2	18,025.68	0.00%	25.1	15.14	1.39	2,765,088	2,491,511	2,835,212
VCB	HOSE	2,665.0	68,491.02	0.00%	25.7	15.67	1.57	372,729	583,616	603,583
STB	HOSE	1,142.5	23,078.73	0.00%	20.2	10.60	1.40	409,483	2,414,280	1,540,606
BVH	HOSE	680.5	28,579.80	0.00%	42.0	23.91	2.35	186,544	207,764	352,487
CTG	HOSE	3,723.4	54,361.71	0.00%	14.6	8.70	1.00	349,712	303,180	413,628
GAS	HOSE	1,895.0	208,450.00	0.00%	110.0	18.70	5.93	282,379	302,514	420,749

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	67,979.30	0.88%	92.5	207.24	4.65	121,841	151,280	152,932
VIC	HOSE	894.2	62,149.71	0.56%	69.5	8.54	4.08	344,156	324,896	399,672
STB	HOSE	1,142.5	23,078.73	0.31%	20.2	10.60	1.40	409,483	2,414,280	1,540,606
VCB	HOSE	2,665.0	68,491.02	0.24%	25.7	15.67	1.57	372,729	583,616	603,583
DPM	HOSE	379.9	12,309.87	0.15%	32.4	6.60	1.43	799,240	944,093	1,239,978
BVH	HOSE	680.5	28,579.80	0.08%	42.0	23.91	2.35	186,544	207,764	352,487

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	6,971	5.8	0.9	15.7%	10.6%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,463	6.9	1.5	20.8%	15.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,840	23.9	0.8	2.8%	1.7%
Sản xuất giấy	808	8.3	0.8	10.7%	5.4%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,466	20.8	2.2	18.3%	7.8%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,650	4.2	0.7	18.2%	3.8%
Khai khoáng	12,061	52.6	4.9	2.1%	1.5%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	21,040	18.5	1.4	11.6%	8.2%
Xây dựng	30,192	- 36.2	1.1	-4.6%	1.4%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,184	7.5	1.2	17.8%	9.4%
Công nghiệp phức hợp	910	4.8	1.0	22.2%	16.3%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,657	10.1	1.0	7.9%	3.8%
Thiết bị điện	1,651	- 17.5	0.7	-0.2%	-1.1%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	39	24.4	0.5	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	8,369	6.5	1.4	21.3%	14.7%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,816	- 3.0	1.0	3.6%	0.9%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,083	13.7	1.4	14.9%	11.3%
Dịch vụ vận tải	6,015	8.8	1.5	18.3%	11.2%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,377	10.3	1.4	14.2%	4.7%
Đào tạo & Việc làm	207	9.8	0.6	8.0%	2.6%
Nhà cung cấp thiết bị	180	8.3	0.8	10.2%	4.3%
Chất thải & Môi trường	152	2.3	0.7	34.5%	17.0%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,758	9.9	1.2	12.9%	7.5%
Lốp xe	7,744	9.4	2.6	29.1%	12.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,780	6.9	1.1	15.9%	8.6%
Vang & Rượu mạnh	360	13.4	2.2	18.4%	11.2%
Đồ uống & giải khát	259	7.4	1.4	14.3%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	15,896	9.8	1.3	14.4%	6.4%
Thực phẩm	202,283	23.1	4.8	21.7%	16.8%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	53	42.2	0.7	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,173	8.4	0.9	12.3%	6.1%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	153	8.6	1.4	14.5%	10.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,161	8.7	1.5	17.8%	7.0%
Giày dép	8	- 1.1	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	4,837	8.8	1.7	16.7%	9.0%
Thuốc lá					
Thuốc lá	680	- 8.1	1.1	2.1%	4.9%

10 July 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	926	16.6	1.0	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế	136	3.3	1.7	31.8%	13.0%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	176	8.3	1.1	13.2%	9.3%
Dược phẩm	15,819	12.2	3.1	25.7%	16.7%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	292	38.3	0.9	2.4%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	683	12.9	1.1	12.5%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,225	9.0	1.3	14.5%	3.1%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,031	8.2	0.9	12.4%	8.2%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,618	35.2	2.3	6.0%	3.1%
Dịch vụ giải trí	2,267	28.5	1.5	15.3%	13.0%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,889	16.8	2.2	19.7%	18.2%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	64	15.0	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	601	23.8	0.8	3.2%	1.2%
Internet	370	78.0	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,385	10.7	2.2	22.2%	9.6%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	438	15.7	0.7	4.1%	1.6%
Thiết bị văn phòng	265	5.2	1.0	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,168	1.3	0.7	5.1%	3.7%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	22,535	-	5.7	1.2	-6.5%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	216,748	18.2	5.8	32.9%	22.1%
Nước	1,188	6.4	1.0	16.7%	11.1%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,128	5.0	0.7	15.4%	5.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,435	12.2	0.7	5.9%	2.7%
Tái bảo hiểm	2,556	7.2	1.0	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	29,464	23.9	2.4	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,480	51.2	1.1	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán	26,089	14.1	1.4	8.4%	6.2%
Ngân hàng					
Ngân hàng	245,757	11.1	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	140,869	12.1	2.6	27.8%	6.9%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	8	14.2	0.8	5.5%	2.5%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	38,372	10.0	2.0	20.4%	8.3%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.